

Bản án số: 908/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2022

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ;
2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân- Kiểm sát viên.

Ngày 01 và ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (số 126 đường Lê Quyên, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Vương L, sinh năm 1970
Địa chỉ: Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đồng Thị Thanh H, sinh năm 1976
Địa chỉ: Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2021, tại các Bản tự khai ngày 01/12/2021 và ngày 06/4/2022 và tại các phiên họp hòa giải, nguyên đơn là ông Phạm Vương L trình bày:

Ông và bà Đồng Thị Thanh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 8... ngày aa/7/2018. Trong quá trình chung sống, ông và bà H có nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay, ông và bà H đã sống ly thân. Tháng 5 năm 2020, ông đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà H nhưng sau quá trình hòa giải, ông đã rút đơn đề cho cả hai thêm cơ hội. Tuy nhiên sau đó, cả hai đều không kết nối hay thương lượng với nhau, hôn nhân như vậy là không có kết quả. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn

với nhau, ông muốn được ổn định cuộc sống riêng nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Bản tự khai ngày 11/11/2021, ngày 06/4/2022 và tại các phiên họp hòa giải, bị đơn là bà Đồng Thị Thanh H trình bày:

Bà và ông Phạm Vương L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 8... ngày aa/7/2018. Bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn yêu chồng. Trong quá trình chung sống, khoảng tháng 4 năm 2020, ông L từng say rượu vào nhà đánh bà và khi bà chống trả thì ông L báo Công an. Sau đó, Công an hòa giải và cho về. Từ đó, ông L dọn ra ngoài sống và cả hai sống ly thân cho đến nay. Bà vẫn làm tròn bổn phận dâu con trong nhà và không có lỗi làm gì trong quan hệ hôn nhân của hai người.

- Về con chung: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Nhà trên đất tọa lạc tại Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 5..., tờ bản đồ số abc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN... ngày bb/7/2009 của Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đất do ông L mua trước thời kỳ hôn nhân còn nhà trên được xây dựng từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018 là trong thời kỳ hôn nhân, do đó nhà trên đất này thuộc sở hữu chung vợ chồng. Bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là ông Phạm Vương L trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H. Nhiều mâu thuẫn về lối sống, sinh hoạt, con riêng dẫn đến xung đột giữa các thành viên trong gia đình, từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay, cả hai vẫn không thể hàn gắn và tiếp tục hôn nhân. Ông xác định ông và bà H chung sống với nhau từ đầu tháng 01 năm 2018, sau đó cả hai mới đăng ký kết hôn. Ông xác định ông và bà H không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhà trên đất tọa lạc tại Phường 7, Quận 8 thuộc thửa đất số 554, tờ bản đồ số 123 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN... ngày bb/7/2009 của Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (mà bà H cho rằng là tài sản chung của vợ chồng) là tài sản riêng của ông phát sinh sau khi kết hôn. Ông xác định ông và bà H không có con chung và nợ chung. Tại phần tranh luận, ông đồng ý hỗ trợ cho bà H một khoản tiền khoảng 200.000.000 đồng để bà H ổn định cuộc sống.

Bị đơn là bà Đồng Thị Thanh H trình bày: Bà và ông L bắt đầu chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2017 rồi sau đó cả hai mới đăng ký kết hôn. Bà không đồng ý ly hôn vì bà không có lỗi, tất cả vấn đề xảy ra trong gia đình đều từ phía ông L, bà vẫn luôn hoàn thành tốt vai trò của mình đối với chồng và gia đình chồng. Do không đồng ý ly hôn, bà không yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên tại phần tranh luận tại phiên tòa, bà không đồng ý với việc ông L hỗ trợ số tiền khoảng

200.000.000đồng nêu trên và yêu cầu chia tài sản chung là Nhà trên đất tọa lạc tại Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 5..., tờ bản đồ số abc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN... ngày bb/7/2009 của Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà mới đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong lối sống, thực tế các đương sự đã ly thân từ tháng 4 năm 2020. Trước đó, ông L đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H nhưng đã rút đơn để hàn gắn nhưng không thành công. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu ly hôn với bà H là có căn cứ. Về con chung, nợ chung, các đương sự khai không có nên không xem xét. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu chia nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Vương L xin ly hôn với bà Đồng Thị Thanh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 8... ngày aa/7/2018 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên họp, phiên tòa thì quá trình chung sống, ông L cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn đến mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng đã sống ly thân và ông không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Bà H không đồng ý ly hôn với

ông L vì bà hoàn toàn không có lỗi gì với chồng và gia đình chồng, tất cả vấn đề mâu thuẫn mà ông L trình bày đều xuất phát từ phía ông L.

Xét thấy thực tế ông L và bà H đã không còn chung sống từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Tháng 5 năm 2020, ông L đã khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng rút đơn để hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó, ông L và bà H vẫn không có biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H là không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết để cả hai ổn định cuộc sống riêng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là ông Phạm Vương L để các đương sự ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung:

Ông Phạm Vương L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đồng Thị Thanh H trình bày Nhà trên đất tọa lạc tại Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 5..., tờ bản đồ số abc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN... ngày bb/7/2009 của Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 11 năm 2018 là tài sản chung của vợ chồng còn đất là ông L mua trước khi kết hôn. Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, bà H xác định không yêu cầu chia tài sản chung nêu trên. Tuy nhiên, tại phần tranh luận tại phiên tòa, bà H yêu cầu chia tài sản chung nếu ly hôn.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án giải thích về quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/4/2022 và tại Công văn số 444/TAQ8 ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 8. Từ khi được thông báo về việc thụ lý vụ án đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và đến khi kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, bà H vẫn xác định không yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, tại phần tranh luận tại phiên tòa, bà H yêu cầu chia tài sản chung nếu ly hôn là không có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong vụ án này theo quy định tại Điều 5 và Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn trong vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, tại phần tranh luận tại phiên tòa, ông L tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền khoảng 200.000.000 đồng để bà H ổn định cuộc sống nhưng bà H không đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét ghi nhận.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Phạm Vương L.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Phạm Vương L được ly hôn với bà Đồng Thị Thanh H.

- Về con chung: Không có và các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có và các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Vương L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0046228 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Vương L không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Vương L và bà Đồng Thị Thanh H Long được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA dân sự Quận 8;
- UBND Phường B, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Yến